

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA**  
**PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG**  
**BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017**

Địa chỉ: Tổ 6 Chiềng Lề, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La  
 Tel: 1900636761 Email: [sowasuco@gmail.com.vn](mailto:sowasuco@gmail.com.vn)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Số: 736/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Yên Châu  
 Vị trí lấy mẫu : Nước thải trước xử lý trạm cấp nước Suối Sập  
 Loại mẫu : Nước thải công nghiệp - Mã số 12/T11/2025  
 Số lượng mẫu : 01  
 Biên bản giao mẫu : Số 736/BB ngày 10 tháng 11 năm 2025  
 Ngày phân tích : 11/11/2025 - 12/11/2025



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

| TT | Thông số         | Đơn vị    | Kết quả                  | QCVN 40:2011/BTN MT (B) | Phương pháp phân tích           |
|----|------------------|-----------|--------------------------|-------------------------|---------------------------------|
| 1  | Màu sắc          | Pt/Co     | 53.89                    | 150                     | SMEWW 2120C:2023                |
| 2  | pH               | -         | 7.69                     | 5.5 - 9                 | Theo phương pháp nội bộ PPNB-01 |
| 3  | Sắt              | mg/L      | 0.42                     | 5                       | TCVN 6177:1996                  |
| 4  | Amoni -N         | mg/L      | KPH<br><i>Lod: 0.04</i>  | 10                      | PP/AM                           |
| 5  | Mangan           | mg/L      | KPH<br><i>Lod: 0.046</i> | 1                       | PP/MN                           |
| 6  | Chất lơ lửng TSS | mg/L      | 24                       | 100                     | TCVN6224:1996                   |
| 7  | COD              | mg/L      | 5                        | 150                     | PP/COD                          |
| 8  | Coliform tổng số | CFU/100mL | 599                      | 5000                    | TCVN 6187-1:2019                |

**Phụ trách Kỹ thuật  
bộ phận phân tích**

**Nguyễn Hoàng Lâm**

**Kiểm soát**

**Đỗ Quang Phương**

Sơn La, ngày 16 tháng 11 năm 2025

**P. Tổng giám đốc**



**Phạm Ngọc Dũng**

**Ghi chú:**

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA**  
**TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH**  
**PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098**

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La  
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
 Số : 2025.11.26.47/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La  
 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – phường Tô Hiệu – tỉnh Sơn La  
 03 Loại mẫu : Nước thải trước xử lý Trạm cấp nước Suối Sập – CNCN Yên Châu  
 04 Số lượng mẫu : 01  
 05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.11.11/BBGM. Ngày 11 tháng 11 năm 2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

| TT | Thông số                           | Đơn vị | Kết quả            | QCVN<br>40:2011/<br>BTNMT (B) | Phương pháp<br>phân tích |
|----|------------------------------------|--------|--------------------|-------------------------------|--------------------------|
| 1  | Asen (As)                          | mg/l   | <0,0023            | 0,1                           | TCCS HD – 03/01          |
| 2  | Đồng (Cu)                          | mg/l   | KPH<br>(Lod:0,03)  | 2                             | TCCS HD – 01/01          |
| 3  | Niken (Ni)                         | mg/l   | <0,013             | 0,5                           | TCCS HD – 02/01          |
| 4  | Kẽm (Zn)                           | mg/l   | KPH<br>(Lod:0,035) | 3                             | TCCS HD – 01/01          |
| 5  | Chỉ số BOD <sub>5</sub> (20°C) (*) | mg/l   | <2                 | 50                            | TCVN 6001-1:2008         |
| 6  | Tổng phosphor (TP) (*)             | mg/l   | 0,498              | 6                             | SMEWW<br>4500-P.B&E:2017 |

